TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04/10/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Xuân Văn
2. Bà Nguyễn Thị Vòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới: Ông Nguyễn Thế Hoà, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 24/2018/QĐST- HNGĐ ngày 06/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm H, sinh năm 1990
Địa chỉ cư trú: Thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/4/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị T trình bày: Chị T và anh H quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2014 tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số: 29/2014, quyển số: 02/2011. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại thôn H , xã B, đến tháng 01 năm 2015 thì cuộc sống anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh H thường xuyên uống rượu bê tha, gây gỗ dẫn đến

cải nhau, xúc phạm nhau. Không hòa giải được nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Chị T về chung sống với bố mẹ chị tại xã V, huyện Q. Anh H sống cùng bố mẹ anh tại thôn H, xã B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Nay chị T thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn thương yêu nhau nên mong muốn được ly hôn.

- Ý kiến của anh H quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2014 tại UBND xã V, huyện Q , tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số: 29/2014, quyển số: 02/2011. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại thôn H, xã B. Do quá trình tìm hiểu nhau quá ngắn nên khi chung sống có nhiều mâu thuẫn. Nay chị T mong muốn ly hôn anh, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên anh cũng đồng ý xin ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Anh, chị chưa có.

3. Về chia tài sản: Anh, chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên toà xác định được chị T và anh H có đăng ký kết hôn 07/3/2014 tại UBND xã V, huyện Q, sau khi kết hôn anh, chị sống với nhau đến năm 2015 thì ly thân không ai quan tâm ai, tình cảm không còn thương yêu nhau. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử cho chị T được ly hôn anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên toà, nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc xin ly hôn giữa chị và anh H, anh H có nơi cư trú tại xã B, thành phố Đồng Hới. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật. Nhưng chị T có mặt còn anh H chỉ có lời khai tại biên bản lấy lời khai sau đó anh H vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày

22/8/2018 và tống đạt giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H, chị T đến tham gia phiên tòa vào ngày 06/9/2018 nhưng anh H vắng mặt tại phiên toà, Toà án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để ra Quyết định hoãn phiên toà số: 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2018. Sau đó Toà án tống đạt quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập cho chị T và anh H để tham gia phiên vào ngày 04/10/2018 nhưng anh H vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về hôn nhân: Chị T và anh H quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2014 tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số: 29/2014, quyển số: 02/2011, việc kết hôn của anh, chị đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Tại phiên toà chị T xác định tình cảm của chị đối với anh H hiện nay thật sự không còn thương yêu nhau, không thể xây dựng hạnh phúc gia đình, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H. Theo bản khai của anh H ngày 12/7/2018 anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên anh cũng nhất trí ly hôn. Qua nghị án Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh H đến để hòa giải việc xin ly hôn giữa anh và chị T nhưng anh vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để trình bày tâm tư nguyện vọng của mình, qua hai lần xét xử anh H không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, thể hiện anh không thiết tha gì đối với hôn nhân của mình mà đã bỏ mặc. Tình trạng hôn nhân của anh, chị không thể khắc phục được, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không ai quan tâm ai, anh, chị đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Do đó, xử cho chị T được ly hôn anh H theo nguyện vọng của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Anh, chị chưa có con chung.

[4]. Về chia tài sản: Anh, chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội 14.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm H không phải chịu. Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000506 ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Chị Lê Thị T và anh Phạm H chưa có con chung nên Toà án không xem xét giải quyết, do đó chị T anh H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Phạm H.

3. Về nuôi con chung: Anh, chị chưa có con chung.

4. Về chia tài sản: Anh, chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm H không phải chịu. Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000506 ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Chị Lê Thị T và anh Phạm H chưa có con chung nên Toà án không xem xét giải quyết, do đó chị T anh H không phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã V;
huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Văn Lộc